

## KẾ HOẠCH

### Thực hiện đảm bảo KPI đo lường, đánh giá kết quả, hiệu quả hoạt động tại Sở Công Thương

Căn cứ Quyết định số 72-QĐ/TU ngày 16/7/2025 của Tỉnh ủy Khánh Hòa về ban hành Bộ KPI đo lường, đánh giá kết quả, hiệu quả hoạt động của các cơ quan, đơn vị, địa phương trong hệ thống chính trị tỉnh Khánh Hòa.

Căn cứ các tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành và chỉ tiêu của các nhiệm vụ, Sở Công Thương xây dựng Kế hoạch thực hiện đảm bảo Bộ KPI đo lường, đánh giá kết quả, hiệu quả hoạt động tại Sở Công Thương với các nội dung như sau:

#### I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

##### 1. Mục đích

- Triển khai hiệu quả Bộ KPI đo lường, đánh giá kết quả, hiệu quả hoạt động của cơ quan, đơn vị.
- Tạo sự thống nhất trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành trong việc thực hiện những nhiệm vụ được Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh giao.
- Phân công, cụ thể hóa các nhiệm vụ theo tinh thần 6 rõ “*rõ người, rõ việc, rõ sản phẩm, rõ thời gian, rõ trách nhiệm, rõ thẩm quyền*”; tăng cường trách nhiệm Lãnh đạo Sở; Trưởng các đơn vị không để xảy ra tình trạng né tránh, đùn đẩy trách nhiệm, tình trạng chông chéo hoặc thoác thác trách nhiệm.

##### 2. Yêu cầu

- Chủ động rà soát, theo dõi thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu, kế hoạch, nhiệm vụ, Chương trình công tác và các nhiệm vụ phát sinh thuộc chức năng, nhiệm vụ của cơ quan đã được Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh giao.
- Theo dõi, chủ động kết hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm, đột phá của tỉnh.
- Thực hiện duy trì đảm bảo chỉ số cải cách hành chính, chỉ số chuyển đổi số và mức độ hài lòng của người dân và doanh nghiệp luôn cao hơn hoặc bằng mức bình quân chung do tỉnh công bố.

## II. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ

### 1. Mục tiêu

- Hoàn thành tất cả các chỉ tiêu, kế hoạch, nhiệm vụ, Chương trình công tác và các nhiệm vụ phát sinh thuộc chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị đã được Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

- Phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện hoàn thành các nhiệm vụ trọng tâm, đột phá của tỉnh.

### 2. Nhiệm vụ

*Theo danh mục thống kê nhiệm vụ của Sở Công Thương đính kèm.*

## III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Giám đốc Sở thực hiện chỉ đạo, quản lý, điều hành chung và chịu trách nhiệm trước Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả thực hiện các nhiệm vụ được giao.

2. Các Phó Giám đốc Sở căn cứ nhiệm vụ, lĩnh vực được Giám đốc Sở phân công phụ trách chủ động chỉ đạo, quản lý, điều hành các phòng chuyên môn, đơn vị thuộc Sở hoàn thành các nhiệm vụ được giao và chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở về kết quả thực hiện nhiệm vụ công tác được phân công.

3. Các phòng chuyên môn, đơn vị thuộc, trực thuộc Sở có trách nhiệm:

a) Trưởng các đơn vị chủ động chỉ đạo, điều hành thực hiện có hiệu quả các chỉ tiêu, kế hoạch, nhiệm vụ; Chương trình công tác và các nhiệm vụ phát sinh thuộc chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị và chịu trách nhiệm về việc triển khai thực hiện Kế hoạch theo lĩnh vực được phân công.

b) Công tác báo cáo:

- Báo cáo tháng: trước ngày 25 hàng tháng thực hiện báo cáo kết quả triển khai, thực hiện Kế hoạch về Sở (qua Văn phòng Sở) để tổng hợp báo cáo Tỉnh ủy, UBND tỉnh.

- Báo cáo quý: trước ngày 25 tháng cuối quý thực hiện báo cáo kết quả triển khai, thực hiện Kế hoạch về Sở (qua Văn phòng Sở) để tổng hợp báo cáo Tỉnh ủy, UBND tỉnh.

- Báo cáo năm: trước ngày 15 tháng 12 hàng năm thực hiện báo cáo kết quả triển khai, thực hiện Kế hoạch về Sở (qua Văn phòng Sở) để tổng hợp báo cáo Tỉnh ủy, UBND tỉnh.

4. Giao Văn phòng Sở là cơ quan đầu mối, thường trực tham mưu Lãnh đạo Sở chỉ đạo, đôn đốc, theo dõi, tổng hợp báo cáo việc thực hiện Kế hoạch theo quy định.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện đảm bảo KPI đo lường, đánh giá kết quả, hiệu quả hoạt động tại Sở Công Thương, đề nghị các đồng chí Lãnh đạo Sở, các phòng chuyên môn, các đơn vị thuộc, trực thuộc Sở nghiêm túc triển khai thực hiện./.

***Nơi nhận:***

- GD, các PGD;
- Các đơn vị thuộc, trực thuộc Sở;
- Lưu: VT, VP, AT.

**GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Văn Nhựt**

## THỐNG KÊ NHIỆM VỤ BỘ KPI CỦA SỞ CÔNG THƯƠNG TỈNH KHÁNH HÒA

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-SCT ngày tháng năm 2025 của Sở Công Thương)

| STT        | Nhiệm vụ   | Điểm<br>chấm<br>theo Bộ<br>chỉ số | Văn bản giao<br>nhiệm vụ của<br>cấp có thẩm<br>quyền                            | Sản<br>phẩm | Lãnh đạo Sở<br>phụ trách | Đơn vị thực<br>hiện       | Thời hạn<br>hoàn<br>thành | G<br>hi<br>ch<br>ú |
|------------|--|-----------------------------------|---|-------------|--------------------------|---------------------------|---------------------------|--------------------|
| <b>A</b>   | <b>KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHỨC TRÁCH NHIỆM VỤ ĐƯỢC GIAO (TỶ TRỌNG 70% - 70 ĐIỂM)</b>  |                                   |   |             |                          |                           |                           |                    |
| <b>I</b>   | <b>Kết quả thực hiện các chỉ tiêu, kế hoạch, nhiệm vụ, Chương trình công tác và các nhiệm vụ phát sinh thuộc chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị</b> | <b>35.00</b>                      |   |             |                          |                           |                           |                    |
| <b>1.1</b> | <b>Các chỉ tiêu, kế hoạch</b>  | <b>15.00</b>                      |   |             |                          |                           |                           |                    |
| 1.1.1      | Chỉ số sản xuất công nghiệp tăng 75%   |                                   | Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 15/8/2025; Quyết định 1147/QĐ-UBND ngày 11/9/2025 | Báo cáo     | Nguyễn Sanh Đương        | Phòng Quản lý Công nghiệp | 31/12/2025                |                    |

| STT        | Nhiệm vụ   | Điểm<br>chấm<br>theo Bộ<br>chỉ số | Văn bản giao<br>nhiệm vụ của<br>cấp có thẩm<br>quyền   | Sản<br>phẩm | Lãnh đạo Sở<br>phụ trách | Đơn vị thực<br>hiện            | Thời hạn<br>hoàn<br>thành | G<br>hi<br>ch<br>ú |
|------------|--|-----------------------------------|--|-------------|--------------------------|--------------------------------|---------------------------|--------------------|
| 1.1.2      | Kim ngạch xuất khẩu đạt 2.350 triệu USD, tăng 8,8% so với năm 2024.  |                                   | Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 15/8/2025; Quyết định 1147/QĐ-UBND ngày 11/9/2025  | Báo cáo     | Huỳnh Tấn Hải            | Phòng Quản lý Thương mại - XNK | 31/12/2025                |                    |
| <b>1.2</b> | <b>Các nhiệm vụ, Chương trình, Kế hoạch công tác và các nhiệm vụ phát sinh thuộc chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị</b>   | <b>20.00</b>                      |  |             |                          |                                |                           |                    |
| 1.2.1      | Đôn đốc đẩy nhanh các thủ tục để đủ điều kiện khởi công 04 cụm công nghiệp: Phước Tiến, Hiếu Thiện, Phước Minh 1, Phước Minh 2 |                                   | Quyết định số 536/QĐ-UBND ngày 01/8/2025 của UBND tỉnh. Đồng thời tại Chương trình số 1259/CTr-UBND về 6 tháng cuối năm 2025 | Khởi công   | Nguyễn Sanh Đương        | Phòng Quản lý Công nghiệp      | 31/12/2025                |                    |

| STT   | Nhiệm vụ  | Điểm<br>chấm<br>theo Bộ<br>chỉ số | Văn bản giao<br>nhiệm vụ của<br>cấp có thẩm<br>quyền   | Sản<br>phẩm | Lãnh đạo Sở<br>phụ trách | Đơn vị thực<br>hiện      | Thời hạn<br>hoàn<br>thành | G<br>hi<br>ch<br>ú |
|-------|---|-----------------------------------|--|-------------|--------------------------|--------------------------|---------------------------|--------------------|
| 1.2.2 | Tiếp tục triển khai khắc phục tháo gỡ vướng mắc, khó khăn các dự án năng lượng tái tạo theo Nghị quyết số 233/NQ - CP ngày 10/12/2024 của Chính phủ         |                                   | Quyết định số 536/QĐ-UBND ngày 01/8/2025 của UBND tỉnh   | Báo cáo     | Nguyễn Sanh Đương        | Phòng Quản lý Năng lượng | 31/12/2025                |                    |
| 1.2.3 | Triển khai hoặc tham mưu UBND tỉnh triển khai các nhiệm vụ liên quan về Dự án điện hạt nhân Ninh Thuận 1, 2   |                                   | Quyết định số 536/QĐ-UBND ngày 01/8/2025 của UBND tỉnh   | Văn bản     | Nguyễn Sanh Đương        | Phòng Quản lý Năng lượng | 31/12/2025                |                    |
| 1.2.4 | Điều chỉnh quy hoạch phát triển năng lượng trên địa bàn tỉnh và Tiếp tục tập trung triển khai có hiệu quả Kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII điều chỉnh |                                   | Quyết định số 536/QĐ-UBND ngày 01/8/2025 của UBND tỉnh. Đồng thời tại Chương trình số 1259/CTr-UBND về 6 tháng cuối năm 2025 | Quyết định  | Nguyễn Sanh Đương        | Phòng Quản lý Năng lượng | 31/12/2025                |                    |

| STT   | Nhiệm vụ   | Điểm<br>chấm<br>theo Bộ<br>chỉ số | Văn bản giao<br>nhiệm vụ của<br>cấp có thẩm<br>quyền   | Sản<br>phẩm | Lãnh đạo Sở<br>phụ trách | Đơn vị thực<br>hiện            | Thời hạn<br>hoàn<br>thành | G<br>h<br>i<br>c<br>h<br>ú |
|-------|--|-----------------------------------|--|-------------|--------------------------|--------------------------------|---------------------------|----------------------------|
| 1.2.5 | Công bố Danh mục địa điểm được tổ chức Hội chợ, triển lãm thương mại và lĩnh vực được ưu tiên tổ chức Hội chợ triển lãm trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa năm 2026 |                                   | Quyết định số 536/QĐ-UBND ngày 01/8/2025 của UBND tỉnh. Đồng thời tại Chương trình số 1259/CTr-UBND về 6 tháng cuối năm 2025   | Quyết định  | Trần Quốc Sanh           | Phòng Quản lý Thương mại - XNK | 01/10/2025                |                            |
| 1.2.6 | Kế hoạch phát triển ngành công nghiệp, năng lượng trở thành trụ cột động lực tăng trưởng kinh tế tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2026 - 2030                        |                                   | Công văn số 227-CV/TU, ngày 12/8/2025; Công văn số 251-CV/ĐU ngày 14/8/2025 của Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh và Công văn số 2360/UBND-KT ngày 20/8/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh | Kế hoạch    | Nguyễn Sanh Đương        | Phòng Quản lý Công nghiệp      | 01/10/2025                |                            |

| <b>STT</b> | <b>Nhiệm vụ</b>  | <b>Điểm<br/>chấm<br/>theo Bộ<br/>chỉ số</b> | <b>Văn bản giao<br/>nhiệm vụ của<br/>cấp có thẩm<br/>quyền</b>        | <b>Sản<br/>phẩm</b> | <b>Lãnh đạo Sở<br/>phụ trách</b> | <b>Đơn vị thực<br/>hiện</b>    | <b>Thời hạn<br/>hoàn<br/>thành</b> | <b>G<br/>hi<br/>ch<br/>ú</b> |
|------------|--|---|---|---------------------|----------------------------------|--------------------------------|------------------------------------|------------------------------|
| 1.2.7      | Tổ chức các hoạt động hưởng ứng ngày Quyền của người tiêu dùng Việt Nam năm 2025 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa   |   | Chương trình số 1259/CTr-UBND ngày 31/7/2025 về 6 tháng cuối năm 2025 | Kế hoạch            | Trần Quốc Sanh                   | Phòng Quản lý Thương mại - XNK | 30/9/2025                          |                              |
| 1.2.8      | Phát triển chợ trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2025- 2030  |   | Chương trình số 1259/CTr-UBND ngày 31/7/2025 về 6 tháng cuối năm 2025 | Kế hoạch            | Trần Quốc Sanh                   | Phòng Quản lý Thương mại - XNK | 20/12/2025                         |                              |
| 1.2.9      | Ban hành chính sách lựa chọn, ưu tiên các ngành nghề, lĩnh vực đầu tư vào khu công nghiệp có giá trị gia tăng cao, công nghệ tiên tiến, hiện đại, thân thiện với môi trường, sản phẩm có hàm lượng khoa học và công nghệ, khả năng đóng góp tích cực vào phát triển kinh tế - xã hội, gia tăng nguồn thu |   | Kế hoạch số 1267/KH-UBND ngày 31/7/2025 của UBND tỉnh                 | Chính sách          | Nguyễn Sanh Đương                | Phòng Quản lý Công nghiệp      | Tháng 9/2025                       |                              |

| STT       | Nhiệm vụ  | Điểm<br>chấm<br>theo Bộ<br>chỉ số | Văn bản giao<br>nhiệm vụ của<br>cấp có thẩm<br>quyền   | Sản<br>phẩm | Lãnh đạo Sở<br>phụ trách | Đơn vị thực<br>hiện       | Thời hạn<br>hoàn<br>thành | G<br>hi<br>ch<br>ú |
|-----------|---|-----------------------------------|--|-------------|--------------------------|---------------------------|---------------------------|--------------------|
|           | ngân sách của tỉnh  |                                   |  |             |                          |                           |                           |                    |
| <b>II</b> | <b>Các nhiệm vụ trọng tâm,<br/>đột phá</b>  | <b>20.00</b>                      |  |             |                          |                           |                           |                    |
| 1         | Hoàn thành xét chọn nhà đầu tư Cụm công nghiệp Cam Thịnh Đông   |                                   | Quyết định số 217/QĐ-UBND ngày 14/4/2025 của UBND tỉnh Ninh Thuận (cũ). Chương trình số 1259/CTrUBND ngày 31/7/2025 về 6 tháng cuối năm 2025 | Quyết định  | Nguyễn Sanh Đương        | Phòng Quản lý Công nghiệp | 31/12/2025                |                    |
| 2         | Xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án thành lập Trung tâm công nghiệp, dịch vụ năng lượng tái tạo liên vùng |                                   | Quyết định số 217/QĐ-UBND ngày 14/4/2025 của UBND tỉnh Ninh Thuận (cũ). Đồng thời tại Quyết định số 536/QĐ-UBND                              | Đề án       | Nguyễn Sanh Đương        | Phòng Quản lý Năng lượng  | 31/12/2025                |                    |

| STT | Nhiệm vụ   | Điểm<br>chấm<br>theo Bộ<br>chỉ số | Văn bản giao<br>nhiệm vụ của<br>cấp có thẩm<br>quyền  | Sản<br>phẩm                                     | Lãnh đạo Sở<br>phụ trách | Đơn vị thực<br>hiện       | Thời hạn<br>hoàn<br>thành | G<br>hi<br>ch<br>ú |
|-----|--|-----------------------------------|---|---|--------------------------|---------------------------|---------------------------|--------------------|
|     |  |                                   | ngày 01/8/2025<br>của UBND tỉnh   |   |                          |                           |                           |                    |
| 3   | Giải trình và được Thủ tướng chính phủ phê duyệt bổ sung dự án Nhà máy điện LNG Vân Phong 2 vào quy hoạch điện VIII điều chỉnh   |                                   | Thông báo số 1103a-TB/TU, ngày 28/02/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Khánh Hòa (cũ). Đồng thời tại Chương trình số 1259/CTr-UBND | Báo cáo   | Nguyễn Sanh Đương        | Phòng Quản lý Năng lượng  | Quý III/2025              |                    |
| 4   | Phê duyệt lựa chọn nhà đầu tư khu công nghiệp 1.000 hecta tại Ninh Xuân theo dự thảo Đề án hình thành và phát triển hành lang kinh tế động lực trung tâm tỉnh Khánh Hoà. |                                   | Thông báo số 1103a-TB/TU, ngày 28/02/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Khánh Hòa (cũ)  | Văn bản<br>( <i>nhiệm<br/>vụ phối<br/>hợp</i> ) | Nguyễn Sanh Đương        | Phòng Quản lý Công nghiệp | Quý IV/2025               |                    |

| STT        | Nhiệm vụ   | Điểm<br>chấm<br>theo Bộ<br>chỉ số | Văn bản giao<br>nhiệm vụ của<br>cấp có thẩm<br>quyền   | Sản<br>phẩm                                     | Lãnh đạo Sở<br>phụ trách | Đơn vị thực<br>hiện                  | Thời hạn<br>hoàn<br>thành | G<br>hi<br>ch<br>ú |
|------------|--|-----------------------------------|--|---|--------------------------|--------------------------------------|---------------------------|--------------------|
| 5          | Đánh giá các cơ sở công nghiệp, các cơ sở sản xuất nhỏ, cơ sở chế biến thực phẩm và các cơ sở tiêu thụ công nghiệp hiện hữu theo bộ các chỉ tiêu đánh giá hoạt động sản xuất bền vững của UNIDO  |                                   | Thông báo số 1103a-TB/TU, ngày 28/02/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Khánh Hòa (cũ). Đồng thời tại Chương trình số 1259/CTr-UBND            | Văn bản<br>( <i>nhiệm<br/>vụ phối<br/>hợp</i> ) | Nguyễn Sanh<br>Đương     | Phòng Quản<br>lý Công<br>nghiệp      | Năm 2025                  |                    |
| 6          | Đề xuất nhiệm vụ và được Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ phê duyệt nhiệm vụ nghiên cứu khoa học công nghệ cấp tỉnh. Từng cơ quan, đơn vị cấp sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh tối thiểu 01 nhiệm vụ khoa học và công nghệ được phê duyệt trong năm 2025 |                                   | Thông báo số 1103a-TB/TU, ngày 28/02/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Khánh Hòa (cũ); Quyết định số 507/QĐ-UBND ngày 30/7/2025 của UBND tỉnh |   | Huỳnh Tấn<br>Hải         | Phòng Quản<br>lý Thương<br>mại - XNK | Năm 2025                  |                    |
| <b>III</b> | <b>Mức độ hài lòng của Người dân và doanh nghiệp</b>   | <b>15.00</b>                      |  |   |                          |                                      |                           |                    |

| STT | Nhiệm vụ  | Điểm<br>chấm<br>theo Bộ<br>chỉ số                            | Văn bản giao<br>nhiệm vụ của<br>cấp có thẩm<br>quyền | Sản<br>phẩm  | Lãnh đạo Sở<br>phụ trách | Đơn vị thực<br>hiện | Thời hạn<br>hoàn<br>thành | G<br>h<br>i<br>c<br>h<br>ú |
|-----|---|--|--|--|--------------------------|---------------------|---------------------------|----------------------------|
| 1   | Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp Sở, ban, ngành và địa phương (DDCI)              | <b>5.00</b><br>( <i>&gt; mức bình quân chung toàn tỉnh</i> ) |  | Căn cứ theo kết quả do các cơ quan có thẩm quyền công bố | Lãnh đạo Sở              | Các phòng           |                           |                            |
| 2   | Chỉ số đo lường mức độ hài lòng của người dân cung ứng các dịch vụ công (SIPAS) | <b>5.00</b><br>( <i>&gt;=90%</i> )                           |  | Căn cứ theo kết quả do các cơ quan có thẩm quyền công bố | Lãnh đạo Sở              | Các phòng           |                           |                            |
| 3   | Tỷ lệ phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân được xử lý đúng hạn              | <b>5.00</b><br>( <i>&gt;=80%</i> )                           |  | Căn cứ theo kết quả do các cơ quan có                    | Lãnh đạo Sở              | Các phòng           |                           |                            |

| STT   | Nhiệm vụ                                  | Điểm<br>chấm<br>theo Bộ<br>chỉ số   | Văn bản giao<br>nhiệm vụ của<br>cấp có thẩm<br>quyền | Sản<br>phẩm   | Lãnh đạo Sở<br>phụ trách | Đơn vị thực<br>hiện | Thời hạn<br>hoàn<br>thành | G<br>hi<br>ch<br>ú |
|---|---|---|--|---|--------------------------|---------------------|---------------------------|--------------------|
|   |   |   |  | thẩm<br>quyền<br>công bố  |                          |                     |                           |                    |
| <b>B THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU VỀ QUẢN TRỊ CÔNG (TỶ TRỌNG 20% - 20 ĐIỂM)</b> |   |   |  |   |                          |                     |                           |                    |
| 1   | Chỉ số cải cách hành chính<br>(PAR INDER) | <b>10.00</b><br><i>(&gt; mức<br/>bình<br/>quân<br/>chung<br/>toàn<br/>tỉnh)</i> |  | Căn cứ<br>theo kết<br>quả do<br>các cơ<br>quan có<br>thẩm<br>quyền<br>công bố | Lãnh đạo Sở              | Các phòng           |                           |                    |
| 2   | Chỉ số chuyển đổi số (DTI)                | <b>10.00</b><br><i>(&gt; mức<br/>bình<br/>quân<br/>chung<br/>toàn<br/>tỉnh)</i> |  | Căn cứ<br>theo kết<br>quả do<br>các cơ<br>quan có<br>thẩm<br>quyền<br>công bố | Lãnh đạo Sở              | Các phòng           |                           |                    |

| STT   | Nhiệm vụ   | Điểm<br>chấm<br>theo Bộ<br>chỉ số                          | Văn bản giao<br>nhiệm vụ của<br>cấp có thẩm<br>quyền | Sản<br>phẩm              | Lãnh đạo Sở<br>phụ trách | Đơn vị thực<br>hiện | Thời hạn<br>hoàn<br>thành | G<br>h<br>i<br>c<br>h<br>ú |
|---|--|--|--|--------------------------|--------------------------|---------------------|---------------------------|----------------------------|
| <b>C THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU LIÊN QUAN CÔNG CHỨC, CÔNG VỤ (TỶ TRỌNG 10% - 10 ĐIỂM)</b> |  |  |  |                          |                          |                     |                           |                            |
| 1   | Tỷ lệ số lượng CB được tham gia đào tạo, bồi dưỡng                             | <b>5.00</b><br>( $\geq$ 70% mức bình quân chung toàn tỉnh) |  |                          | Lãnh đạo Sở              | Các phòng           |                           |                            |
| 2   | Tỷ lệ CBCC là thành viên/chủ nhiệm đề tài nghiên cứu khoa học cấp tỉnh trở lên | <b>2.50</b><br>( $\geq$ 70% mức bình quân chung toàn tỉnh) |  | QĐ của cấp có thẩm quyền | Lãnh đạo Sở              | Các phòng           |                           |                            |

| STT | Nhiệm vụ  | Điểm<br>chấm<br>theo Bộ<br>chỉ số | Văn bản giao<br>nhiệm vụ của<br>cấp có thẩm<br>quyền | Sản<br>phẩm              | Lãnh đạo Sở<br>phụ trách | Đơn vị thực<br>hiện | Thời hạn<br>hoàn<br>thành | G<br>hi<br>ch<br>ú |
|-----|---|-----------------------------------|--|--------------------------|--------------------------|---------------------|---------------------------|--------------------|
| 3   | Cơ quan, đơn vị có tập thể đạt được các danh hiệu thi đua khen thưởng từ cấp Bộ, ngành TW trở lên | 2.50                              |  | QĐ của cấp có thẩm quyền | Lãnh đạo Sở              | Các phòng           |                           |                    |

**Tổng cộng: 100 điểm**

| <b>ĐIỂM TRỪ</b>   |   |                             |
|---|---|-----------------------------|
| <b>Chỉ tiêu</b>   | <b>Tiêu chí</b>   | <b>Điểm trừ</b>             |
| Có số nhiệm vụ trễ hạn so với quy định (bao gồm cả các nhiệm vụ phối hợp, đồng trách nhiệm) | Có >20% số nhiệm vụ trễ hạn   | - 05 điểm                   |
|   | Có >50% số nhiệm vụ trễ hạn   | Điểm thực hiện nhiệm vụ = 0 |
| Trong năm có trường hợp CBCC bị xử lý kỷ luật từ khiển trách trở lên                        | Số CBCC vi phạm <5% số CBCC đơn vị                                  | - 05 điểm                   |
|   | Số CBCC vi phạm $\geq$ 5% số CBCC của đơn vị và từ 02 người trở lên | - 10 điểm                   |